

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2020

V/v: Ly hôn giữa chị S, anh N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới
2. Ông Nguyễn Duy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “ Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXX- ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1986(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bình An, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai chị Lê Thị S là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N tháng 7 năm 2007 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam, cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay hiện có 1 con chung. Cuộc sống hạnh phúc đến đầu tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh N có người phụ nữ khác không quan tâm gì đến chị, anh Nnam về nhà con chửi bới đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc ai làm gì mặc người đó. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 4/2019 cho đến nay anh N cũng không hỏi han gì.

Anh chị đã ly thân từ năm tháng 4/2019 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà giải quyết ly hôn với anh N.

Về con chung anh chị có 1 con chung Nguyễn Việt A, sinh năm 2008. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì chị S không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của con mặc dù chị đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ nhưng chị S không yêu cầu.

Tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày trong biên bản làm việc: Anh cho rằng việc ly hôn là của chị S anh không liên quan gì anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không ký vào biên bản giao nhận và anh cũng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh N không chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX xét xử vụ án và căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa lần 1, lần 2 cho các đương sự. Chị S có mặt, còn anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung*: Chị S kết hôn với anh N năm 2007 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong chị S về chung sống với anh N ngay và hòa thuận đến đầu tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N có người phụ nữ khác không quan tâm gì đến chị S vợ chồng sống không có hạnh phúc, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị S, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N anh N đã nhận được các văn bản nhưng anh N không ký vào các biên bản của Tòa án Lục Nam, anh N cho biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị S là việc của chị S anh không có ý kiến gì. Nay xét thấy chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N là có căn cứ, nên cho chị S được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung có 1 con chung Nguyễn Việt Anh, sinh năm 2008, tài sản, công nợ*: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về con chung, tài sản, công nợ chung nếu chị S, anh N có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Về án phí*: Chị S phải chịu tiền án phí ly hôn

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, , Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.*Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 13/02/2020 theo biên lai thu số AA/2017/0004588.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự có vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Chu Điện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn

